

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: **Chất lượng cao**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	251012651	Vũ Hương Lan	2510631	19		9.25		88.00	36 867 600		36 867 600	Giỏi
2	251012657	Lê Hải Minh	2510631	19		8.92		90.50	36 867 600		36 867 600	Giỏi
3	251012659	Quyên Anh Bảo Ngân	2510631	19		8.86		88.50	36 867 600		36 867 600	Giỏi
4	251012775	Hoàng Thị Thanh Tâm	2510634	19		8.89		91.50	36 867 600		36 867 600	Giỏi
5	251012778	Đặng Phương Thùy	2510634	19		9.21		93.00	40 219 200		40 219 200	Xuất sắc
6	251012807	Mẫu Yến Ngọc	2510635	19		8.86		89.50	36 867 600		36 867 600	Giỏi
7	251012814	Bùi Anh Thư	2510635	19		8.86		91.50	36 867 600		36 867 600	Giỏi
8	251012816	Ngô Mai Trang	2510635	19		9.22		96.00	40 219 200		40 219 200	Xuất sắc
9	251012820	Lê Phương Anh	2510636	19		9.07		90.00	40 219 200		40 219 200	Xuất sắc
10	251012829	Nguyễn Phạm Gia Hân	2510636	19		9.03		88.00	36 867 600		36 867 600	Giỏi
11	251012831	Vũ Minh Huyền	2510636	19		8.88		93.50	36 867 600		36 867 600	Giỏi
12	251012834	Nguyễn Tùng Lâm	2510636	19		9.15		84.00	36 867 600		36 867 600	Giỏi
13	251012836	Nguyễn Hà Linh	2510636	19		9.04		89.00	36 867 600		36 867 600	Giỏi
14	472902	Phạm Thùy Dương	4729	17		9.52		84.00	32 986 800		32 986 800	Giỏi
15	472911	Nguyễn Khánh Hòa	4729	15		9.59		93.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
16	472918	Bùi Hà Anh	4729	15		9.45		94.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
17	473009	Đặng Công Đức Anh	4730	15		9.58		85.00	29 106 000		29 106 000	Giỏi
18	473136	Nguyễn Phương Anh	4731	15		9.55		97.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
19	473208	Vũ Ngọc Lam Vy	4732	16		9.61		88.00	31 046 400		31 046 400	Giỏi
20	473210	Lê Nguyễn Hà Anh	4732	16		9.42		77.00	28 224 000		28 224 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: **Chất lượng cao**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
21	473214	Ngô Trang Vân	4732	16		9.43		85.00	31 046 400		31 046 400	Giỏi
22	473216	Nguyễn Thị Thảo Vân	4732	16		9.47		89.00	31 046 400		31 046 400	Giỏi
23	473223	Đào Khánh Linh	4732	16		9.42		89.00	31 046 400		31 046 400	Giỏi
24	473232	Nguyễn Trần Vân Trang	4732	21		9.75		97.00	44 452 800		44 452 800	Xuất sắc
25	473303	Lã Vũ Trà My	4733	15		9.54		97.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
26	473324	Nguyễn Thùy Anh	4733	15		9.55		90.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
27	473328	Hoàng Hải An	4733	15		9.45		90.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
28	473332	Nguyễn Thạch Trang Anh	4733	15		9.53		92.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
29	483212	Trần Đào Việt Hưng	4832	15		9.32		94.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
30	483214	Trần Doãn Khánh	4832	15		8.95		90.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi
31	483218	Đỗ Thành Long	4832	15		8.93		91.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi
32	483228	Nguyễn Thiên Trang	4832	15		8.91		89.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi
33	483310	Nguyễn Hương Giang	4833	15		8.85		82.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi
34	483316	Ngô Quỳnh Lam	4833	15		9.01		82.00	29 106 000		29 106 000	Giỏi
35	483320	Kim Thăng Long	4833	15		9.17		91.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
36	483417	Lê Khánh Linh	4834	15		8.95		97.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi
37	483520	Đặng Lê Khánh Ly	4835	15		9.12		95.00	31 752 000		31 752 000	Xuất sắc
38	483611	Vũ Nhị Hà	4836	15		8.99		92.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi
39	483612	Đoàn Thị Thu Hiền	4836	18		8.87		95.50	34 927 200		34 927 200	Giỏi
40	483626	Nguyễn Hoàng Mai Phương	4836	15		8.90		92.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
41	483627	Đặng Huy Quang	4836	15		8.95		90.50	29 106 000		29 106 000	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 41									1 362 690 000		1 362 690 000	